

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 6 - 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thịnh

Ông Nguyễn Văn Hợi

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Tạ Xuân Trà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị S, sinh năm 1992

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Xóm N, xã T, huyện P,, tỉnh Thái Nguyên.

(Đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn chị Bùi Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Văn B tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên ngày 05/3/2009 và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trên tinh thần việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối

gì, sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng bốn năm trở lại đây hai bên bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng về quan điểm sống, chồng hay uống rượu, khi say rượu là xúc phạm chị như: chê chị là người dân tộc, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ ảnh hưởng đến con cái. Chị đã động viên chồng thay đổi để nuôi dạy con cái và gia đình được hạnh phúc nhưng đến nay anh vẫn không thay đổi, mà còn chửi rủa, xúc phạm chị nhiều hơn.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm. Tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm kiên quyết xin ly hôn với anh Nguyễn Văn B, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 13/6/2011 và Nguyễn Bảo L, sinh ngày 28/5/2013. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện nay chị đang đi làm công nhân, sau khi ly hôn với anh B chị sẽ thuê nhà trọ ở ổn định để đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị S xác định vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận chị S trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn là đúng. Hai bên đăng ký kết hôn tự nguyện ngày 05/3/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, không ai bị ép buộc, lừa dối gì. Sau kết hôn gia đình có tổ chức cưới hỏi, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây vợ chồng mới có một vài mâu thuẫn, theo anh là do chị S đi làm công ty muốn ly hôn với anh còn anh vẫn yêu thương vợ con, muốn vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung. Trong cuộc sống thường ngày những lúc nóng nảy vợ chồng cũng có những mâu thuẫn cãi vã nhau, nhưng theo anh những mâu thuẫn đó gia đình nào cũng có nên anh cũng muốn chị tôn trọng, lắng nghe anh nói. Do đó nay chị S xin ly hôn, anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 13/6/2011 và Nguyễn Bảo L, sinh ngày 28/5/2013. Trường hợp phải ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Bảo L còn cháu Nguyễn Thị L anh sẽ để chị S nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Hiện nay cháu Long đang sống cùng anh và mẹ anh, cháu

đang học tại Trường tiểu học xã T, do đó anh muốn cuộc sống của cháu không bị xáo trộn. Anh ở nhà làm ruộng, thỉnh thoảng anh có đi làm thêm công việc khác, hiện anh sống cùng nhà với mẹ đẻ nên được mẹ đẻ hỗ trợ đưa đón cháu, anh có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho các đương sự về thời gian để suy nghĩ, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, với mục đích đoàn tụ gia đình cùng nhau xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy con trưởng thành. Tuy nhiên chị S vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Vì vậy, Tòa án phải quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị S khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn B và yêu cầu về nuôi con chung, nên xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Nguyễn Văn B cư trú tại: Xóm N, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị S và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo chị S lý do chị xin ly hôn với anh B là do hai vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm sống. Chồng hay xúc phạm chị như chê chị là người dân tộc, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ ảnh hưởng đến con cái, khi say rượu anh còn đánh chị. Bản thân anh B cũng thừa nhận do vợ chồng có mâu thuẫn nên dẫn đến cãi nhau, nhưng bản thân anh cho rằng mâu thuẫn chưa lớn, anh vẫn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị S vẫn kiên quyết xin ly hôn, anh B không nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh B đã diễn ra trong một thời gian dài, không hòa hợp hàn gắn được, đến nay tình cảm vợ chồng không còn. Chị S trình bày chị đã cho anh B nhiều cơ hội để thay đổi nhưng anh không thay đổi được mà

mâu thuẫn giữa hai anh chị còn ngày càng trầm trọng hơn. Toà án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung nhưng không thành. Vì vậy, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận cho chị S được ly hôn với anh B là phù hợp với thực tế và đúng quy định pháp luật.

2.2. Về con chung:

Do chị S và anh B đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và trong quá trình giải quyết vụ án các bên không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con chung. Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét về điều kiện làm việc, thu nhập, nơi ở và các yếu tố khác để việc giao con chung cho người có điều kiện tốt nhất chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để các cháu phát triển đầy đủ, bình thường về mọi mặt, về nguyện vọng của cháu Linh, cháu Long khi bố mẹ ly hôn các cháu muốn được ở với mẹ.

Chị S yêu cầu được nuôi cả hai con chung: Hội đồng xét xử thấy, chị S hiện đang làm công nhân tại công ty Dong Sung, thu nhập hàng tháng ổn định và bình quân ở mức từ 06 đến 08 triệu đồng mỗi tháng, hiện chị đang ở nhà thuê. Tại phiên tòa chị S xác định chị muốn được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Thị L và Nguyễn Bảo L vì hai cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ, anh B công ăn việc làm không ổn định, lại hay say rượu.

Đối với yêu cầu và nguyện vọng của anh B được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo L, còn cháu Nguyễn Thị L sẽ để chị S nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy, hiện anh B ở nhà làm ruộng, ngoài ra anh còn đi làm thêm khi có thời gian, cũng có thu nhập ổn định và hiện tại cháu Long đang học tập ổn định tại trường tiểu học xã T, chung sống cùng bố và bà nội, anh có mẹ để hỗ trợ chăm sóc và đưa đón cháu đi học.

Như vậy, xét về các điều kiện của hai bên, Hội đồng xét xử thấy chị S và anh B đều có nghề nghiệp, thu nhập, có chỗ ở ổn định. Tuy nhiên, xét về điều kiện thực tế hiện nay, nếu giao cả hai con cho chị S nuôi dưỡng thì sẽ không đảm bảo được tốt nhất cho sự phát triển của cả hai cháu, bởi hiện nay chị S đang đi làm công nhân nên sẽ bị hạn chế về mặt thời gian hơn trong việc chăm sóc cho cả hai con. Hơn nữa, hiện cháu Long vẫn đang chung sống cùng bố và bà nội, học tập ổn định tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao

cháu Nguyễn Bảo L cho anh B nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Thị L cho chị S nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên toà, các bên đương sự không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị S, anh B đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn chị Bùi Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật;

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị S, cho chị Bùi Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 13/6/2011. Giao cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 28/5/2013 cho đến khi các cháu Nguyễn Thị L, Nguyễn Bảo L đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị S, anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom con: Chị S, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị S, anh B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Bùi Thị S và anh Nguyễn Văn B đều xác định không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo B lai số 0002740 ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn (chị Bùi Thị S), bị đơn (anh Nguyễn Văn B), báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái

Nguyên;

- VKSND huyện P;
- Chi cục T.H.A DS huyện;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Giang